

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 130/2017/HSST

Ngày: 12/4/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Giáo

2. Bà Lê Thị Nhung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 122/2017/HSST ngày 02/3/2017 đối với bị cáo:

Trương Văn Xuân L; giới tính: Nam; sinh năm 1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: đường PTH, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: ấp GN, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Trương Văn B và bà Phạm Thị X; hoàn cảnh gia đình: Có vợ là Đỗ Thị Mỹ H và 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 03/4/2002 đi nghĩa vụ quân sự tại Tiểu đoàn BB2 - Trung đoàn BB4 - Sư đoàn 5 - Quân khu 7 tỉnh Tây Ninh, do vi phạm kỷ luật nên ngày 10/4/2003 bị loại ngũ trả về địa phương. Tháng 7/2003 đi cai nghiện tự nguyện tại Trường giáo dục đào tạo và giải quyết việc làm số 1 đến ngày 26/01/2006.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/12/2016 – Có mặt.

Người bị hại: Ông Son Jong W, sinh năm 1968

Trú tại: Ấp TH, xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trịnh Thị Thu B, sinh năm 1969.

Trú tại: Ấp TB, xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

2. Ông Trần Dù Y, sinh năm 1976.

Trú tại: đường BT, phường R, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1992.

Trú tại: Ấp GN, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

4. Ông Phạm Minh T, sinh năm 1993 (đã chết).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trương Văn Xuân L bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 03 giờ sáng ngày 27/4/2016, Trương Văn Xuân L ở trong nhà ở ấp GN, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đi ra sân, nhìn ra bãi đất trống bên hông phải nhà thì thấy 02 thanh niên lạ mặt đang nói chuyện. L vào nhà lấy đèn pin soi về hướng 02 thanh niên thì 02 thanh niên lên xe máy bỏ đi. L leo qua hàng rào đến chỗ 02 thanh niên vừa bỏ đi thì phát hiện 01 xe máy hiệu Honda Lead màu vàng đen, biển số 59K1-227.36 dựng ở bụi cỏ lau, trên ổ khóa có cắm chìa khóa. Lúc này, L biết chiếc xe máy này do 02 thanh niên trộm được. Do đang thiếu nợ, cần tiền nên L nảy sinh ý định lấy xe nên đã mang xe vào khu đất trống của nhà cất giấu. Tối ngày 27/4/2016, sau khi quán đóng cửa và không thấy ai đến hỏi về chiếc xe, L điều khiển xe về khu vực Quận P chơi game bắn cá cho đến sáng ngày 28/4/2016 thì đem xe đi rửa. Nhân viên rửa xe thấy có 01 giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe (bản photo) mang tên Trần Dù Y của Đội Cảnh sát giao thông – Công an Quận L. L mang xe đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài nhưng không được vì xe không phải do L đứng tên. Tối ngày 03/5/2016, L điều khiển chiếc xe nêu trên về nhà ở huyện C và gọi điện cho Nguyễn Trọng N hỏi chỗ cầm xe. N hỏi Nguyễn Minh T thì T nói L chạy xe tới tiệm bắn cá ở xã M, huyện C gặp T và N. T hỏi L xe máy là của ai thì L nói xe của vợ L. T lấy điện thoại của L gọi cho chị Trịnh Thị Thu B (là dì út của T), hỏi có cầm xe máy không. Chị B đồng ý cầm xe giá 4.000.000 đồng, T lấy xe của L chạy đến phòng trọ của chị B tại ấp TB, xã K, huyện Củ Chi, giao xe và nhận 4.000.000 đồng rồi nhờ người nhà của bà B chở tới chỗ L và N đang đứng gần tiệm game bắn cá. T đưa 4.000.000 đồng cho L rồi cùng L và N vào tiệm game bắn cá để chơi. Bị cáo L khai trong lúc chơi game bắn cá đã cho tiền T và N 2 lần, mỗi lần 500.000 đồng.

Ngày 04/5/2016, T ra quán Phở Đầm uống cà phê thì gặp L. L đưa cho T tờ pho to giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe của xe máy đã cầm cho chị B và nói T mang đến cho chị B cầm thêm 1.000.000 đồng nữa. Chị B chỉ còn 700.000 đồng nên L đồng ý. T lấy 700.000 đồng không đưa lại cho L mà tiêu xài hết.

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 05/5/2016, chị B sử dụng chiếc xe trên đi đón con trên đường tỉnh lộ I, ấp TH, xã K, huyện C thì bị anh Phạm Minh K phát hiện. Biết chiếc xe chị B sử dụng là của ông Son Jong W (quốc tịch Hàn Quốc) bị mất trộm, anh K đã giữ chị B cùng xe máy lại rồi điện báo công an xã K đến giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, L đã khai nhận hành vi phạm tội như trên, phù hợp với lời khai của chị B, T và N. Chị B, T và N cùng khai không biết chiếc xe trên là do người khác phạm tội mà có. Về cuốn sổ và 02 mắt kính cận trong cốp xe, L khai bỏ ở đâu không rõ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Qua xác minh được biết xe máy Honda hiệu Lead, biển số 59K-227.36 do ông Trần Dù Y đứng tên đăng ký. Ông Y đứng tên đăng ký xe giúp ông Son Jong W vì ông Son Jong W là người nước ngoài. Ông Son Jong W bị mất chiếc xe trên vào đêm ngày 26/4/2016 tại trang trại ở ấp TH xã K, huyện C. Ngoài ra, ông Son Jong W khai còn bị mất trộm một số tài sản khác như: tiền Ngân hàng NNVN 15.500.000 đồng, tiền đô la Mỹ 1.280 USD, tiền Hàn Quốc 80.000 Won, 01 máy tính xách tay hiệu LG, 01 ví da màu đen, 02 USB không rõ nhãn hiệu, 02 mắt kính cận không rõ nhãn hiệu, 01 visa và 01 giấy phép lái xe mang tên Son Jong W. Ngày 04/7/2016, Công an huyện C đã khởi tố vụ án “Trộm cắp tài sản”, sau đó chuyển vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh điều tra theo thẩm quyền. Ngày 03/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã tạm đình chỉ điều tra vụ án do hết thời hạn điều tra nhưng chưa xác định được đối tượng thực hiện hành vi phạm tội; đồng thời tách vụ án “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” do Trương Văn Xuân L thực hiện hành vi phạm tội để xử lý.

Vật chứng vụ án: 01 xe Honda Lead biển số 59K1-227.36, đã trả cho người bị hại.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 02/6/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi kết luận: xe máy hiệu Lead, biển số 59K1-227.36 trị giá 19.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 135/CT-VKS-P2 ngày 23/02/2017 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trương Văn Xuân L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo L từ 06 tháng đến 09 tháng tù, buộc bị cáo L nộp lại 4.700.000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, Trương Văn Xuân L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu và khai nhận: Khoảng 03 giờ sáng ngày 27/4/2016, Trương Văn Xuân L ở trong nhà ấp GN, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đi ra sân, nhìn ra bãi đất trống bên hông phải nhà thì thấy 02 thanh niên lạ mặt đang nói chuyện. L vào nhà lấy đèn pin soi về hướng 02 thanh niên thì 02 thanh niên lên xe máy bỏ đi. L leo qua hàng rào đến chỗ 02 thanh niên vừa bỏ đi thì phát hiện 01 xe máy hiệu Honda Lead màu vàng đen, biển số 59K1-227.36 dựng ở bụi cỏ lau, trên ổ khóa có cắm chìa khóa. Lúc này, L biết chiếc xe máy này do 02 thanh niên trộm được. Do đang thiếu nợ, cần tiền nên L nảy sinh ý định lấy xe nên đã mang xe vào khu đất trống của nhà cất giấu và sau đó đã nhờ T và N mang cầm chiếc xe cho chị B được 4.000.000 đồng và cầm giấy biên nhận được 700.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét bị cáo ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo L đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Xét tại cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; do đó áp dụng các điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về số tiền 4.700.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính nên cần phải buộc L, T, N nộp lại để sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, bị cáo L tự nguyện nộp thay cho cả T, N. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo L nộp lại số tiền 4.700.000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Son Jong W đã nhận lại chiếc xe nên không yêu cầu bồi thường. Bà B cũng không yêu cầu bồi thường số tiền đã cầm xe và giấy tờ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda Lead biển số 59K1-227.36, đã trả cho người bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn Xuân L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Áp dụng Điều 12; Điều 45; khoản 1 Điều 250; các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn Xuân L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2016.

Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm c Khoản 1 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Trương Văn Xuân L nộp lại 4.700.000 (bốn triệu bảy trăm ngàn) đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 98; khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trương Văn Xuân L phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 231; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo Trương Văn Xuân L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THA DS Tp.HCM; (1)
- Sở tư pháp Tp.HCM; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Người bị hại; (1)
- Người có QLNVLQ (4)
- THA HS; (2)
- Phòng PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình